

BỘ TÀI CHÍNH**BỘ TÀI CHÍNH**

Số: 07/2006/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2006***THÔNG TƯ****Hướng dẫn chế độ tài chính áp dụng tại Khu kinh tế Nhơn Hội**

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí;

Căn cứ Quyết định số 141/2005/QĐ-TTg ngày 14/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định;

Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính áp dụng tại Khu kinh tế Nhơn Hội như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**1. Phạm vi áp dụng:**

Chế độ tài chính và thủ tục hải quan quy định tại Thông tư này (dưới đây gọi tắt là chế độ tài chính) được áp dụng trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội (sau đây viết tắt là KKT Nhơn Hội), có diện tích đất tự nhiên khoảng 12 000 ha, bao gồm các xã: Nhơn Hội, Nhơn Lý, Nhơn Hải và khu vực 9 của phường Hải Cảng thuộc thành phố Quy Nhơn; một phần các xã Phước Hòa, Phước Sơn thuộc huyện Tuy Phước; một phần các xã Cát Tiến, Cát Chánh, Cát Hải thuộc huyện Phù Cát, theo đúng chỉ giới quy hoạch KKT Nhơn Hội.

Chế độ tài chính quy định tại Thông tư này chỉ áp dụng đối với các hoạt động kinh doanh được tiến hành trên địa bàn KKT Nhơn Hội. Trường hợp các tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh cả trên địa bàn KKT Nhơn Hội và trong nội địa

Việt Nam thì phải hạch toán riêng các hoạt động kinh doanh trên địa bàn KKT Nhơn Hội làm căn cứ xác định chế độ tài chính được áp dụng.

Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh đã được cấp giấy phép đầu tư; các cơ sở kinh doanh trong nước đã được cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư tại KKT Nhơn Hội trước ngày Quyết định 141/2005/QĐ-TTg ngày 14/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ (dưới đây gọi tắt là Quyết định 141/2005/QĐ-TTg) có hiệu lực mà chưa hưởng đủ ưu đãi thì được hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định tại Thông tư này cho thời gian ưu đãi còn lại.

2. Đối tượng áp dụng:

Đối tượng áp dụng Thông tư này là:

a) Các nhà đầu tư trong nước thuộc các thành phần kinh tế hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp Nhà nước, Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, các hộ kinh doanh cá thể và các cá nhân hành nghề độc lập.

b) Các tổ chức, cá nhân nước ngoài bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài tham gia Hợp đồng hợp tác kinh doanh, người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoạt động theo các hình thức quy định tại Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài kinh doanh không theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

3. Giải thích từ ngữ:

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- *Khu phi thuế quan*: là khu vực địa lý được ngăn cách bằng hàng rào cứng với các khu chức năng khác của KKT Nhơn Hội theo quy định tại các Điều 7, 8, 9 của Quyết định số 141/2005/QĐ-TTg ngày 14/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

- *Các khu chức năng*: bao gồm khu công nghiệp, khu dân cư, khu đô thị, khu du lịch - dịch vụ, khu vui chơi giải trí và khu hành chính trong KKT Nhơn Hội (không bao gồm khu chế xuất) được xác định trong Quy hoạch chung KKT Nhơn Hội do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- *Nội địa Việt Nam*: bao gồm các khu chức năng trong KKT Nhơn Hội và phần còn lại của lãnh thổ Việt Nam (trừ các khu tương tự Khu phi thuế quan và khu chế xuất).

- *Công kiểm soát hải quan*: Khu phi thuế quan có 2 công kiểm soát hải quan:

Công kiểm soát hải quan tại phần tiếp giáp giữa cảng phi thuế quan với cảng thuế quan, gọi tắt là công A; Công kiểm soát hải quan tại phần tiếp giáp giữa cảng phi thuế quan với nội địa, gọi tắt là công B.

- *Danh mục hàng hóa có xuất xứ Khu phi thuế quan*: là danh mục hàng hóa do Ban quản lý KKT Nhơn Hội (dưới đây gọi tắt là Ban quản lý) ban hành theo từng thời kỳ (gọi tắt là Danh mục hàng hóa xuất xứ Khu phi thuế quan) gồm những hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại Khu phi thuế quan không sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài.

4. Điều kiện áp dụng chế độ tài chính liên quan đến Khu phi thuế quan:

Các cơ chế tài chính liên quan tới Khu phi thuế quan trong KKT Nhơn Hội chỉ được hưởng khi Khu phi thuế quan được bảo đảm đồng thời các điều kiện sau:

- Có hàng rào cứng bảo đảm cách ly các hoạt động trong Khu phi thuế quan với các khu chức năng khác trong KKT Nhơn Hội;
- Trong Khu phi thuế quan không có khu dân cư, không có dân cư cư trú thường xuyên hoặc tạm trú (kể cả người nước ngoài);
- Có cơ quan hải quan giám sát, kiểm tra người, hàng hóa và các phương tiện vào và ra Khu phi thuế quan.

5. Một số quy định chung về thủ tục hải quan Khu phi thuế quan:

a) Các tổ chức, cá nhân hoạt động trong Khu phi thuế quan được xuất khẩu ra nước ngoài và nhập khẩu từ nước ngoài tất cả các hàng hóa, dịch vụ mà pháp luật Việt Nam không cấm. Chính sách mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa theo từng thời kỳ và các văn bản hướng dẫn thực hiện của các Bộ, ngành có liên quan. Việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện, hàng hóa hạn chế kinh doanh thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Thương mại.

b) Định kỳ 6 tháng, doanh nghiệp Khu phi thuế quan có trách nhiệm gửi cơ quan hải quan Báo cáo quyết toán vật tư, nguyên vật liệu, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong kỳ và Báo cáo xuất - nhập - tồn kho sản phẩm. Cơ quan hải quan kiểm tra đối chiếu và gửi cơ quan thuế để kiểm tra xác định các khoản thuế phải nộp.

c) Hàng hóa, hành lý xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh tại Khu phi thuế quan thuộc loại hình nào thì áp dụng quy trình thủ tục hải quan quy định cho loại hình đó.

d) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh qua Khu phi thuế quan chỉ được đi qua cổng A và cổng B.

đ) Hàng hóa từ nội địa xuất khẩu vào Khu phi thuế quan và ngược lại: Hàng hóa từ nước ngoài đi qua cổng B vào Khu phi thuế quan làm thủ tục hải quan tại cổng B; Hàng hóa từ nước ngoài vào Khu phi thuế quan và hàng hóa từ khu bảo thuế ra nước ngoài qua cổng A làm thủ tục hải quan tại cổng A.

e) Hàng hóa từ nội địa xuất khẩu ra nước ngoài qua cổng A hoặc hàng hóa từ nước ngoài qua cổng A vào nội địa làm thủ tục hải quan theo quy định hiện hành tại cổng A hoặc tại chi cục hải quan ngoài cửa khẩu. Nếu làm thủ tục tại chi cục hải quan ngoài cửa khẩu thì thủ tục hải quan thực hiện theo quy định về hàng hóa chuyển cửa khẩu.

f) Ngoài các quy định về thủ tục hải quan nêu trên, các bên liên quan phải thực hiện các nghĩa vụ khác quy định tại Luật Hải quan, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các văn bản khác có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu.

6. Nguyên tắc ưu đãi đầu tư:

Các dự án đầu tư vào KKT Nhơn Hội được hưởng ưu đãi tối đa dành cho các dự án đầu tư ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và khu kinh tế theo quy định của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các pháp luật về thuế khác.

Trường hợp các văn bản pháp luật quy định các mức ưu đãi khác nhau về cùng một vấn đề thì được áp dụng mức ưu đãi cao nhất. Trường hợp các cơ chế chính sách mới ban hành ưu đãi hơn các quy định tại Thông tư này thì được áp dụng theo chính sách mới.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Chính sách thuế đối với KKT Nhơn Hội:

1.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp:

a) Các dự án đầu tư của các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài để hình thành cơ sở sản xuất kinh doanh mới trong KKT Nhơn Hội được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 15 năm, kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh; được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế; được giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm kế tiếp.

b) Các dự án đầu tư của các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài trong KKT Nhơn Hội thuộc các lĩnh vực công nghệ cao đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2003 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế khu công nghệ cao được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong suốt thời gian thực hiện dự án.

c) Các dự án đầu tư của các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài trong KKT Nhơn Hội có quy mô lớn và có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển ngành, lĩnh vực hoặc phát triển kinh tế - xã hội của vùng được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong suốt thời gian thực hiện dự án sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận.

d) Đối với dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, cải thiện môi trường sinh thái, nâng cao năng lực sản xuất thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

đ) Thu nhập chịu thuế đối với khoản thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất phải nộp thuế thu nhập theo hướng dẫn tại phần C Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

e) Để thực hiện các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư tại KKT Nhơn Hội phải nộp *bản sao* Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp trong nước), Giấy phép đầu tư (đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) cho cơ quan thuế nơi doanh nghiệp kê khai nộp thuế. Việc ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ áp dụng đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ đã đăng ký và nộp thuế theo kê khai.

f) Trong quá trình hoạt động, sau khi quyết toán với cơ quan thuế mà bị lỗi, doanh nghiệp được chuyển khoản lỗi sang những năm sau để trừ vào thu nhập chịu thuế. Thời gian chuyển lỗi không quá 5 năm.

g) Doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thuế nơi doanh nghiệp kê khai nộp thuế về thời gian thực hiện miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp nêu tại mục này.

1.2. Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao:

1.2.1. Người lao động (kể cả người Việt Nam và người nước ngoài) làm việc tại

KKT Nhơn Hội được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp đối với người có thu nhập cao (sau đây gọi tắt là thuế thu nhập cá nhân).

1.2.2. Việc kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế thu nhập cá nhân được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn hiện hành của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân. Khi kê khai, tạm nộp thuế thu nhập cá nhân, cơ quan chi trả thu nhập chỉ khấu trừ 50% số thuế thu nhập cá nhân phải nộp trong tháng của người lao động làm việc tại KKT Nhơn Hội.

1.2.3. Riêng trường hợp người lao động Việt Nam, người nước ngoài làm việc tại KKT Nhơn Hội dưới 1 năm (12 tháng) thì số thuế thu nhập cá nhân được giảm cho thời gian làm việc tại KKT Nhơn Hội được xác định như sau:

a) Đối với người Việt Nam:

Hàng tháng, cơ quan chi trả thu nhập tạm khấu trừ 50% số thuế thu nhập cá nhân phải nộp, cuối năm quyết toán thuế, tính số thuế phải nộp của cả năm và số thuế được giảm của năm theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Số thuế thu} \\ \text{nhập cá nhân} \\ \text{được giảm} \\ \text{trong năm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số thuế thu nhập} \\ \text{cá nhân phải nộp} \\ \text{trong năm} \end{array} \times 50\% \times \frac{\begin{array}{l} \text{Thu nhập chịu thuế trong} \\ \text{thời gian làm việc tại} \\ \text{KKT Nhơn Hội} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Tổng thu nhập chịu thuế} \\ \text{trong năm tính thuế} \end{array}}$$

Trong đó, số thuế thu nhập cá nhân phải nộp trong năm được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế trong thời gian làm việc tại KKT Nhơn Hội và thu nhập chịu thuế trong thời gian làm việc ở nơi khác ngoài KKT Nhơn Hội.

b) Đối với người nước ngoài:

- Nếu là đối tượng không cư trú thì số thuế phải nộp được xác định như sau:

Số thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Tổng thu nhập chịu thuế nhân với (×) 25% nhân với (×) 50%.

- Nếu là đối tượng cư trú thì hàng tháng cơ quan chi trả thu nhập tạm khấu trừ 50% số thuế thu nhập cá nhân phải nộp, cuối năm quyết toán thuế, tính ra số thuế phải nộp của cả năm và số thuế được giảm. Số thuế thu nhập cá nhân được giảm trong năm được tính theo công thức nêu tại tiết a, điểm này.

1.3. Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu:

a) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong các trường hợp sau đây không thuộc diện chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu:

- Hàng hóa từ nước ngoài nhập khẩu vào Khu phi thuế quan; hàng hóa từ Khu phi thuế quan xuất khẩu ra nước ngoài.

- Hàng hóa từ khu phi thuế quan chuyển sang hoặc bán cho các khu phi thuế quan khác (là khu phi thuế quan quy định tại khoản 1, Điều 5 Luật thuế Xuất khẩu, thuế nhập khẩu (sửa đổi) năm 2005), cho doanh nghiệp chế xuất, cho kho ngoại quan, và ngược lại.

- Hàng hóa không thuộc diện chịu thuế xuất khẩu có xuất xứ từ nội địa Việt Nam đưa vào Khu phi thuế quan.

b) Hàng hóa thuộc diện chịu thuế xuất khẩu có xuất xứ từ nội địa Việt Nam đưa vào Khu phi thuế quan phải nộp thuế xuất khẩu và làm thủ tục xuất khẩu theo quy định hiện hành.

c) Hàng hóa từ Khu phi thuế quan nhập vào nội địa Việt Nam phải nộp thuế nhập khẩu theo quy định sau:

- Hàng hóa có xuất xứ từ nước ngoài nộp thuế nhập khẩu theo quy định hiện hành.

- Hàng hóa được sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại Khu phi thuế quan nếu phần giá trị hàng hóa xuất xứ ASEAN chiếm từ 40% trở lên và được xác nhận bằng giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ASEAN - Mẫu D, thì được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi CEPT.

- Hàng hóa thuộc Danh mục xuất xứ Khu phi thuế quan đưa vào nội địa không phải nộp thuế nhập khẩu.

- Hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại KKT Nhơn Hội có sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu trực tiếp từ nước ngoài (không bao gồm hàng hóa nhập từ nội địa Việt Nam có sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài), khi nhập khẩu vào nội địa Việt Nam chỉ phải nộp thuế nhập khẩu đối với phần nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài cấu thành trong hàng hóa đó.

Căn cứ để xác định thuế nhập khẩu phải nộp đối với phần nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài cấu thành trong hàng hóa nhập vào nội địa Việt Nam là: Giá tính thuế xác định theo quy định hiện hành; số lượng hàng hóa nhập khẩu vào

nội địa Việt Nam; thuế suất thuế nhập khẩu đối với từng loại nguyên liệu, linh kiện. Giá tính thuế và thuế suất áp dụng tại thời điểm mở tờ khai nhập khẩu vào nội địa. Doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh có trách nhiệm đăng ký với cơ quan Hải quan về danh mục hàng hóa nhập khẩu sử dụng làm nguyên liệu sản xuất hàng nhập khẩu vào nội địa và định mức nguyên liệu, linh kiện dùng để sản xuất hàng nhập khẩu trước khi nhập vào nội địa.

Giá trị nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu cấu thành trong mỗi đơn vị hàng hóa nhập khẩu vào nội địa được tính theo quy định về giá tính thuế nhập khẩu đối với hàng nhập khẩu tại thời điểm nhập khẩu vào nội địa.

d) Các dự án đầu tư sản xuất trong KKT Nhơn Hội của các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài được miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện và bán thành phẩm mà trong nước chưa sản xuất được trong 05 năm, kể từ khi bắt đầu sản xuất.

Thủ tục, hồ sơ miễn thuế, kê khai và quyết toán thuế nhập khẩu đối với trường hợp này được thực hiện theo Thông tư số 113/2005/TT-BTC ngày 15/12/2005 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thi hành thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

đ) Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Khu phi thuế quan nhập nguyên liệu sản xuất, vật tư, hàng hóa từ nước ngoài nhưng không sử dụng hết và các thứ phẩm còn có giá trị thương mại được phép bán vào nội địa Việt Nam sau khi hoàn tất thủ tục hải quan phải nộp thuế nhập khẩu theo quy định hiện hành.

1.4. Thuế tiêu thụ đặc biệt:

a) Hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được sản xuất, tiêu thụ trong Khu phi thuế quan hoặc được nhập khẩu từ nước ngoài vào Khu phi thuế quan và ngược lại không phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. *Riêng ô tô dưới 24 chỗ ngồi thực hiện nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định chung hiện hành.*

b) Hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt từ nội địa Việt Nam xuất khẩu vào Khu phi thuế quan không phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. *Riêng ô tô dưới 24 chỗ ngồi thực hiện nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định chung hiện hành.*

c) Hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt từ Khu phi thuế quan chuyển sang hoặc bán cho các khu chế xuất và ngược lại không phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

d) Hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt từ Khu phi thuế quan nhập vào nội địa Việt Nam phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng nhập khẩu theo quy định hiện hành.

1.5. Thuế giá trị gia tăng:

Các doanh nghiệp KKT Nhơn Hội được sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định hiện hành, thực hiện đăng ký, kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng đối với trường hợp thực hiện nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Thông tư này. Đối với những trường hợp hàng hóa không phải nộp thuế giá trị gia tăng, trong hóa đơn thuế giá trị gia tăng, dòng thuế giá trị gia tăng được gạch chéo (x). Cụ thể như sau:

a) Hàng hóa, dịch vụ sản xuất và tiêu thụ trong Khu phi thuế quan và từ nước ngoài nhập khẩu vào Khu phi thuế quan và ngược lại không phải chịu thuế giá trị gia tăng.

b) Hàng hóa, dịch vụ từ Khu phi thuế quan chuyển sang hoặc bán cho các khu chế xuất và ngược lại không phải chịu thuế giá trị gia tăng.

c) Hàng hóa, dịch vụ từ nội địa Việt Nam xuất vào Khu phi thuế quan được hưởng thuế suất thuế giá trị gia tăng là 0%.

d) Hàng hóa, dịch vụ từ Khu phi thuế quan nhập vào nội địa Việt Nam phải chịu thuế giá trị gia tăng đối với hàng nhập khẩu với thuế suất theo quy định hiện hành.

1.6. Về giá, phí và lệ phí và các loại thuế khác:

a) Giá thuê đất, giá cho thuê đất đã xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, tiền sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trong KKT Nhơn Hội do các doanh nghiệp kinh doanh cơ sở hạ tầng xác định sau khi đã thỏa thuận với Ban Quản lý KKT Nhơn Hội.

b) Các loại thuế, phí và lệ phí khác được thực hiện theo quy định hiện hành tại các Luật thuế, Luật khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi), Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Pháp lệnh phí và lệ phí và các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành.

2. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa ra vào Khu phi thuế quan:

2.1. Đối với hàng hóa từ nước ngoài nhập khẩu vào Khu phi thuế quan:

a) *Nhập khẩu vào Khu phi thuế quan qua cổng A:*

- Doanh nghiệp Khu phi thuế quan có trách nhiệm khai báo hải quan, nộp hồ sơ

hải quan theo đúng quy định hiện hành đối với từng loại hình nhập khẩu hàng hóa trên cơ sở quy định tại điểm 5, Mục I của Thông tư này.

- Cơ quan hải quan cổng A thực hiện giải quyết các thủ tục cần thiết theo quy định hiện hành đối với từng loại hàng hóa.

b) *Nhập khẩu vào Khu phi thuế quan qua cổng B:* Thực hiện theo quy định hiện hành về hàng nhập khẩu chuyển khẩu.

2.2. Đối với hàng hóa từ nước ngoài nhập khẩu vào nội địa Việt Nam qua cổng A và hàng hóa từ nội địa xuất khẩu ra nước ngoài qua cổng A: Thực hiện theo quy định hiện hành.

2.3. Đối với hàng hóa từ nội địa xuất vào khu phi thuế quan: Cơ quan hải quan chỉ làm thủ tục khi doanh nghiệp có yêu cầu. Thủ tục hải quan thực hiện như sau:

a) *Trường hợp doanh nghiệp nội địa đăng ký làm thủ tục hải quan tại cơ quan hải quan cổng B:* Doanh nghiệp nội địa có trách nhiệm khai báo hải quan, nộp hồ sơ hải quan theo đúng quy định đối với từng loại hình xuất khẩu. Trường hợp vận chuyển hàng hóa nội bộ giữa doanh nghiệp với chi nhánh trong và ngoài khu phi thuế quan thì được thay thế hợp đồng mua bán bằng chứng từ xuất kho. Cơ quan hải quan cổng B có trách nhiệm thực hiện đầy đủ thủ tục xuất khẩu cho doanh nghiệp nội địa theo đúng quy định đối với từng loại hình xuất khẩu.

b) *Trường hợp doanh nghiệp nội địa đăng ký tờ khai xuất khẩu tại cửa khẩu Chi cục Hải quan nội địa:* Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định hiện hành đối với hàng xuất khẩu chuyển cửa khẩu. Cơ quan hải quan cổng B thực hiện nhiệm vụ của hải quan cửa khẩu xuất đối với hàng xuất khẩu chuyển cửa khẩu (trừ việc xác nhận thực xuất).

2.4. Đối với hàng hóa từ Khu phi thuế quan xuất khẩu ra nước ngoài:

a) *Qua cổng B:* Thực hiện theo quy định hiện hành đối với hàng xuất khẩu chuyển cửa khẩu.

b) *Qua cổng A:* Doanh nghiệp đăng ký làm thủ tục tại cơ quan hải quan cổng A. Cơ quan hải quan cổng A thực hiện thủ tục hải quan theo quy định hiện hành đối với hàng xuất khẩu.

2.5. Từ khu phi thuế quan đưa vào nội địa:

a) Đối với hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa xuất xứ Khu phi thuế quan được

miễn làm thủ tục hải quan nhưng phải kê khai về số lượng hàng hóa với cơ quan hải quan và chịu sự giám sát của cơ quan hải quan.

b) Đối với các hàng hóa khác phải thực hiện thủ tục hải quan đầy đủ, cụ thể như sau:

- Doanh nghiệp khu phi thuế quan (bên bán) có trách nhiệm cung cấp cho doanh nghiệp nội địa (bên mua) đầy đủ chứng từ, hóa đơn và các giấy tờ theo quy định của cơ quan hải quan để doanh nghiệp nội địa khai báo hải quan, nộp hồ sơ hải quan theo đúng quy định đối với từng loại hình nhập khẩu tại cơ quan hải quan công B.

- Hải quan công B có trách nhiệm làm thủ tục hải quan cho hàng hóa nhập khẩu của doanh nghiệp nội địa theo đúng quy định. Trường hợp phát hiện có hàng nước ngoài được đưa vào khu phi thuế quan để tiếp tục nhập khẩu vào nội địa có cùng chủng loại với hàng hóa nằm trong Danh mục hàng hóa xuất xứ khu phi thuế quan được miễn thủ tục hải quan do Ban quản lý KKT Nhơn Hội thông báo, nhưng doanh nghiệp không khai báo hải quan, thì cơ quan hải quan công B yêu cầu doanh nghiệp xuất trình chứng từ chứng minh về nguồn gốc xuất xứ của lô hàng; tiến hành xử lý vi phạm và làm thủ tục nhập khẩu cho lô hàng theo đúng quy định của pháp luật; đồng thời, thông báo cho Ban quản lý KKT Nhơn Hội biết để có biện pháp quản lý hoặc loại trừ khỏi Danh mục hàng hóa xuất xứ khu phi thuế quan.

2.6. Đối với hàng hóa gia công:

Thủ tục hải quan đối với hàng hóa mà doanh nghiệp khu phi thuế quan gia công cho thương nhân nước ngoài, doanh nghiệp khu phi thuế quan thuê doanh nghiệp nội địa gia công và ngược lại được thực hiện theo quy định hiện hành.

2.7. Hàng hóa tạm xuất - tái nhập; tạm nhập - tái xuất; chuyển khẩu; quá cảnh và vận chuyển:

Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh qua Khu phi thuế quan chỉ được đi qua các cổng có trạm kiểm soát hải quan. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm xuất - tái nhập; tạm nhập - tái xuất; chuyển khẩu; quá cảnh và vận chuyển tại khu phi thuế quan thực hiện theo quy định hiện hành.

2.8. Ngoài các hướng dẫn tại Thông tư này, doanh nghiệp phải thực hiện các nghĩa vụ khác quy định tại Luật Hải quan, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Nghị định 101/2001/NĐ-CP ngày 31/12/2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi

hành một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan và các văn bản hướng dẫn khác về hải quan.

3. Chế độ thưởng cho người có công trong việc vận động vốn đầu tư trong và ngoài nước

3.1. Căn cứ vào khả năng ngân sách và hiệu quả gọi vốn đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định quyết định thưởng cho các tổ chức, cá nhân có công gọi vốn đầu tư không thuộc ngân sách Nhà nước để đầu tư vào các công trình kinh tế - xã hội tại KKT Nhơn Hội theo nguyên tắc mức khen thưởng đối với hình thức gọi vốn đầu tư không hoàn lại cao hơn các hình thức gọi vốn khác (sau khi có ý kiến thỏa thuận của Bộ Tài chính). Việc chi trả khen thưởng thực hiện sau khi dự án đi vào hoạt động, có sản phẩm lưu thông trên thị trường và nhà đầu tư đã góp ít nhất 50% vốn pháp định cam kết.

3.2. Kinh phí sử dụng để khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân có công gọi vốn đầu tư (không bao gồm vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước) để đầu tư vào các công trình kinh tế, xã hội tại KKT Nhơn Hội được trích từ nguồn tiền thưởng của ngân sách địa phương và hạch toán vào mục chi tiền thưởng đột xuất.

4. Chế độ ưu đãi phát triển cơ sở hạ tầng

4.1. Đầu tư từ ngân sách nhà nước để xây dựng cơ sở hạ tầng:

a) Phạm vi, đối tượng đầu tư từ NSNN

- Ngân sách Nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật - xã hội và các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng quan trọng phục vụ chung cho KKT Nhơn Hội theo các chương trình mục tiêu được bố trí theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. NSNN chỉ hỗ trợ để đầu tư xây dựng cho các công trình cơ sở hạ tầng chung của toàn KKT Nhơn Hội, không bao gồm cơ sở hạ tầng dành riêng cho từng khu chức năng trong KKT Nhơn Hội, trừ việc hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình xử lý nước thải và chất thải tập trung của các khu chức năng.

- Việc hỗ trợ đầu tư từ NSNN để xây dựng cơ sở hạ tầng KKT Nhơn Hội được thực hiện theo đúng dự án được quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Ban Quản lý KKT Nhơn Hội là đầu mối kế hoạch của địa phương được cân đối riêng vốn xây dựng cơ bản từ nguồn NSNN để xây dựng cơ sở hạ tầng KKT Nhơn Hội; là chủ đầu tư trực tiếp quản lý các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng được

đầu tư xây dựng bằng vốn NSNN trong phạm vi KKT Nhơn Hội theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng hiện hành của Nhà nước.

b) Mức hỗ trợ đầu tư từ NSNN để xây dựng cơ sở hạ tầng

- Trong thời gian 15 năm đầu, kể từ ngày Quyết định số 141/2005/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành, vốn đầu tư từ Ngân sách Nhà nước hàng năm để xây dựng cơ sở hạ tầng KKT Nhơn Hội không thấp hơn toàn bộ nguồn thu ngân sách trên địa bàn KKT Nhơn Hội được nộp vào Kho bạc Nhà nước; bao gồm số thu về thuế xuất, nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao, (trừ thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu) và các khoản thu hợp pháp khác. Đối với thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu chỉ thực hiện đối với hàng hóa thực tế xuất nhập khẩu mở tờ khai, kiểm hóa tại KKT Nhơn Hội và nộp thuế tại Kho bạc nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định. Hàng năm, căn cứ các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội đã được các cấp thẩm quyền phê duyệt, tiến độ thực hiện của dự án, quy định của Luật Ngân sách nhà nước và dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn KKT Nhơn Hội, ngân sách nhà nước trung ương bổ sung có mục tiêu cho tỉnh Bình Định để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng của KKT Nhơn Hội.

- Vốn ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho tỉnh Bình Định để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng của KKT Nhơn Hội được giao rõ trong dự toán NSNN giao cho tỉnh Bình Định. Cùng với nguồn hỗ trợ của ngân sách Trung ương, tỉnh Bình Định bố trí dự toán ngân sách địa phương hàng năm đầu tư cơ sở hạ tầng của KKT Nhơn Hội theo quy định tại tiết a điểm này.

c) Các khoản thu phát sinh trên địa bàn được nộp vào ngân sách nhà nước. Việc phân cấp nguồn thu giữa NSTW và NSDP theo quy định của pháp luật hiện hành. Ban quản lý KKT Nhơn hội phối hợp với các cơ quan thuế, kho bạc nhà nước và hải quan trên địa bàn để nắm số thực hiện thu trên địa bàn để có căn cứ xây dựng kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm cho các dự án của KKT Nhơn Hội.

d) Việc quản lý, sử dụng vốn do NSTW đầu tư để xây dựng cơ sở hạ tầng KKT Nhơn Hội

Vốn NSTW đầu tư để xây dựng cơ sở hạ tầng KKT Nhơn Hội được quản lý, sử dụng theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Cụ thể, hàng năm vào thời điểm lập dự toán Ngân sách Nhà nước, Ban Quản lý KKT Nhơn Hội phối hợp với các cơ quan liên

quan xác định số thu NSTW được hưởng từ thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu trên địa bàn KKT Nhơn Hội để lập dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm phù hợp với danh mục các dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt gửi Bộ Kế hoạch và đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Chính phủ trình Quốc hội quyết định.

4.2. Chế độ dùng quỹ đất để tạo vốn phát triển hạ tầng:

Ban quản lý là đầu mối được giao chỉ tiêu kế hoạch hàng năm và là chủ đầu tư trực tiếp quản lý các dự án sử dụng vốn từ quỹ đất tại KKT Nhơn Hội; tổ chức đấu thầu để lựa chọn đơn vị có đủ năng lực về tài chính, kinh nghiệm và uy tín để triển khai thi công các dự án cơ sở hạ tầng đầu tư bằng vốn từ quỹ đất tại KKT Nhơn Hội.

Ban quản lý lập danh mục các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng được sử dụng quỹ đất để tạo vốn và diện tích khu đất được sử dụng để tạo vốn thực hiện dự án đó trình Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định để trình ra Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc quyết định theo thẩm quyền.

Việc sử dụng quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng KKT Nhơn Hội thực hiện theo Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai và các quy định có liên quan đến việc sử dụng quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng.

4.3. Huy động vốn bằng phát hành trái phiếu công trình:

UBND tỉnh Bình Định được phát hành trái phiếu công trình trong nước để huy động vốn xây dựng CSHT tại KKT Nhơn Hội. Việc phát hành trái phiếu công trình của UBND tỉnh Bình Định thực hiện theo quy định tại Nghị định số 141/2003/CP ngày 20/11/2003 của Chính phủ về Quy chế phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương, và các hình thức huy động khác theo quy định của pháp luật.

4.4. Đầu tư cơ sở hạ tầng từ nguồn vốn ODA và các nguồn vốn khác:

Các công trình cơ sở hạ tầng khác của KKT Nhơn Hội được đưa vào danh mục gọi vốn ODA và các hình thức huy động vốn khác theo quy định tại Điều 21 của Quy chế KKT Nhơn Hội ban hành kèm theo Quyết định số 141/2005/QĐ-TTg ngày 14/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Chế độ tín dụng ưu đãi:

Các doanh nghiệp trong nước thuộc các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất kinh

doanh tại KKT Nhơn Hội được Quỹ Hỗ trợ phát triển xem xét cho vay vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước theo quy định hiện hành về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

6. Chế độ tài chính áp dụng cho Ban quản lý KKT Nhơn Hội:

6.1. Ban quản lý là đơn vị dự toán ngân sách địa phương, kinh phí hoạt động của Ban do ngân sách địa phương đảm bảo. Mọi khoản thu theo quy định do Ban quản lý thực hiện đều phải nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

6.2. Ban quản lý được phép thu các loại phí, lệ phí tương ứng với nhiệm vụ được các cơ quan quản lý Nhà nước ủy quyền theo quy định hiện hành. Khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ủy quyền thực hiện nhiệm vụ thu, Ban quản lý có trách nhiệm thông báo và đăng ký với cơ quan thuế nơi ban quản lý đặt trụ sở để làm các thủ tục về việc nộp số phí, lệ phí thu được do thực hiện các nhiệm vụ ủy quyền.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Ban quản lý KKT Nhơn Hội phối hợp với cơ quan thuế, hải quan và KBNN nơi mở tài khoản thực hiện theo dõi riêng các nguồn thu hướng dẫn tại tiết b, điểm 4.1, Mục II, Thông tư này để đảm bảo yêu cầu quản lý và phục vụ cho việc xây dựng kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

3. Cục Hải quan tỉnh Bình Định có trách nhiệm:

- Tổ chức công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại, ngăn chặn việc nhập khẩu trái phép hàng hóa từ Khu phi thuế quan vào nội địa và tại các khu vực khác trong địa bàn hoạt động của Hải quan.

- Phối hợp với Ban quản lý KKT và các cơ quan liên quan (Thuế, Công an, Biên phòng) thực hiện công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại, ngăn chặn nhập khẩu trái phép hàng hóa từ Khu phi thuế quan vào nội địa.

4. Cơ quan hải quan Khu phi thuế quan thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hàng hóa, phương tiện vận tải, phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; tổ chức thực hiện pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; tổ chức các trạm hải quan theo quy định, phù hợp với đặc điểm địa lý Khu phi thuế quan để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

5. Tổng Cục Hải quan:

- Căn cứ vào các quy định về thủ tục hải quan tại Thông tư này để soạn thảo Quy định chi tiết về quy trình, thủ tục hải quan áp dụng tại Khu phi thuế quan báo cáo Bộ Tài chính trước khi ban hành.

- Thành lập Chi cục Hải quan KKT Nhơn Hội trực thuộc Cục Hải quan Bình Định để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ về hải quan tại KKT Nhơn Hội.

6. Cơ quan Kho bạc Nhà nước trên địa bàn KKT Nhơn Hội theo dõi riêng đôi với các nguồn thu cần theo dõi chi tiết theo đề nghị của Ban quản lý KKT Nhơn Hội trên nguyên tắc phù hợp với nghiệp vụ quản lý Kho bạc nhà nước.

7. Cục thuế tỉnh Bình Định có trách nhiệm hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện tiết g, điểm 1.1, Mục II, Thông tư này.

8. Mọi vướng mắc trong quá trình thực hiện đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Văn Tá